

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KRÔNG BÚK
TỈNH ĐẮK LẮK**

Bản án số: 09/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 31 - 7 - 2019

V/v tranh chấp Hôn nhân và
gia đình

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KRÔNG BÚK, TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Văn Vân.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Y Mung Niê;
2. Ông Trương Quang Chinh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Yến - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Krông Búk, tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Búk tham gia phiên tòa:
Ông Trần Văn Ngọc - Kiểm sát viên.

Ngày 31/7/2019, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Krông Búk, tỉnh Đắk Lắk xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 38/2019/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 4 năm 2019 về tranh chấp hôn nhân và gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 09/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 26/6/2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 06/2019/QĐST-HNGĐ ngày 12/7/2019, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị Kim T, sinh năm 1981 - Có mặt.
Địa chỉ: Thôn A, xã P, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.
2. *Bị đơn:* Anh Nguyễn Hữu Tr, sinh năm 1978 - Có mặt.
Địa chỉ: Thôn B, xã P, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 25/3/2019, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn chị Nguyễn Thị Kim T trình bày:

Chị T và anh Tr kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn vào ngày 29/5/2002 tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện K, tỉnh Đắk Lắk. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc nhưng gần đây vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã, mâu thuẫn với nhau, nguyên nhân do anh Tr có tính gia trưởng, không tu chí làm ăn,

thường hay đi uống rượu về nhà gây sự, ghen tuông vô cớ. Chị T đã hai lần nộp đơn yêu cầu xin ly hôn và được Tòa án nhân dân huyện Krông Búk thụ lý giải quyết, nhưng do anh Tr mong muốn đoàn tụ, hứa sẽ sửa chữa, chị T đã tha thứ và cố gắng khuyên nhủ để hàn gắn tình cảm vợ chồng nên chị T đã rút đơn khởi kiện. Tuy nhiên khi về chung sống anh Tr vẫn không thay đổi, vợ chồng tiếp tục phát sinh mâu thuẫn, cãi vã và mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, vợ chồng đã sống ly thân từ khoảng tháng 10/2018 cho đến nay. Vì vậy, chị T kiên quyết yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị T được ly hôn với anh Tr.

Về con chung: Chị T và anh Tr có 03 người con chung là Nguyễn Thị Kim Th, sinh ngày 06/02/2004, Nguyễn Trà M, sinh ngày 02/4/2006 và Nguyễn Hữu T, sinh ngày 10/4/2010.

Chị T có nguyện vọng được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục các con chung đến khi đủ 18 tuổi.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng: Chị T không yêu cầu anh Tr phải cấp dưỡng nuôi con chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản, nợ chung: Chị T không yêu cầu giải quyết.

Tại bản tự khai, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bị đơn anh Nguyễn Hữu Tr trình bày:

Anh Tr và chị T tự nguyện đăng ký kết hôn với nhau vào ngày 29/5/2002 tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện K, tỉnh Đắk Lắk. Quá trình chung sống, vợ chồng cũng có cãi vã và một vài mâu thuẫn nhỏ, do làm ăn thất bại nên chán nản và chị T không chung thủy nên khi uống rượu say anh Tr cũng không kiềm chế được bản thân nên cũng có cầm dao dọa chị T nhưng anh Tr cho rằng mâu thuẫn vợ chồng chưa đến mức trầm trọng. Do chị T muốn ly hôn nên vợ chồng đã sống ly thân từ khoảng tháng 10/2018 cho đến nay, anh Tr mong muốn vợ chồng đoàn tụ, trong trường hợp chị T vẫn kiên quyết xin ly hôn thì anh Tr tôn trọng ý kiến của chị T, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Về con chung: Anh Tr và chị T có 03 người con chung là Nguyễn Thị Kim Th, sinh ngày 06/02/2004, Nguyễn Trà M, sinh ngày 02/4/2006 và Nguyễn Hữu T sinh ngày 10/4/2010.

Anh Tr xác định các con muốn ở với ai thì tùy nguyện vọng của các con, nếu các con muốn ở với chị T thì anh Tr đồng ý giao các con cho chị T được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi các con đủ 18 tuổi, nếu các con muốn ở với anh Tr thì anh cũng đồng ý.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng: Do chị T không có yêu cầu nên anh Tr cũng đồng ý và không có ý kiến gì khác.

Về tài sản, nợ chung: Anh Tr không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Búk phát biểu ý kiến:*

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký, nguyên đơn, bị đơn kể từ khi thụ lý vụ án cho đến tại phiên tòa đã tuân thủ đúng trình tự, thủ tục và các quy định của pháp luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Chị T và anh Tr tự nguyện đăng ký kết hôn với nhau theo quy định của pháp luật, quá trình chung sống thời gian gần đây thì phát sinh nhiều mâu thuẫn, vợ chồng đã sống ly thân từ khoảng tháng 10/2018 cho đến nay, xét thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận cho chị T ly hôn với anh Tr.

Về con chung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận giao các con chung cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng đến khi đủ 18 tuổi, về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung do chị T không yêu cầu anh Tr phải cấp dưỡng nên đề nghị không xem xét.

Về tài sản, nợ chung: Chị T, anh Tr không yêu cầu Tòa án giải quyết nên đề nghị không xem xét là phù hợp quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn, giải quyết về con chung, không yêu cầu giải quyết về cấp dưỡng nuôi con chung, về tài sản chung, nợ chung. Bị đơn không có ý kiến tranh luận, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giải quyết theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào lời trình bày của các bên đương sự và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án, quá trình giải quyết người tiến hành tố tụng đã tuân thủ và thực hiện đầy đủ các thủ tục tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Các đương sự trong vụ án đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại các Điều 70, 71 và Điều 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ pháp luật có tranh chấp, thẩm quyền giải quyết của Tòa án:

Đây là quan hệ pháp luật tranh chấp về ly hôn, nuôi con theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án và tranh chấp này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Krông Búk theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân, xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử nhận định:

Chị T và anh Tr kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện có đăng ký kết hôn vào ngày 29/5/2002 tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện K, tỉnh Đắk Lắk, đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp, được pháp luật thừa nhận. Quá trình chung sống vợ chồng hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh nhiều mâu thuẫn, do hai bên không tin tưởng, bất đồng ý kiến, thường xảy ra cãi vã, vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 10/2018 cho đến nay. Tuy anh Tr mong muốn được đoàn tụ nhưng khi Tòa án tiến hành hòa giải thì anh Tr vắng mặt không có lý do. Tại biên bản xác minh ngày 07/6/2019 và ngày 26/6/2019 về tình trạng hôn nhân, mâu thuẫn đã thể hiện giữa chị T và anh Tr trong thời gian chung sống có mâu thuẫn, tại thời điểm xác minh đã không còn chung sống, nhưng về mâu thuẫn cụ thể thì chính quyền địa phương, đại diện ban thôn và Chi hội phụ nữ thôn không nắm được. Trước đây chị T cũng đã làm đơn khởi kiện về việc xin ly hôn và đã được Tòa án nhân dân huyện Krông Búk thụ lý giải quyết nhưng vì anh Tr mong muốn đoàn tụ, hứa sẽ sửa đổi nên chị T đã rút toàn bộ yêu cầu khởi kiện, nhưng sau đó trong thời gian chung sống giữa chị T và anh Tr vẫn tiếp tục phát sinh nhiều mâu thuẫn, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, nên chị T kiên quyết yêu cầu được ly hôn, anh Tr đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Từ những nhận định trên thấy rằng, mâu thuẫn giữa vợ chồng chị T và anh Tr đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu xin ly hôn của chị T là có căn cứ, phù hợp quy định tại khoản 1 Điều 51, Điều 54, khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình nên cần chấp nhận cho chị T ly hôn với anh Tr.

[4] Về con chung: Chị T yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng các con chung, con chung hiện đang ở với chị T và đều có nguyện vọng được ở mẹ, anh Tr cũng đồng ý nên cần chấp nhận để giao các con chung là Nguyễn Thị Kim Th, sinh ngày 06/02/2004, Nguyễn Trà M, sinh ngày 02/4/2006 và Nguyễn Hữu T, sinh ngày 10/4/2010 cho chị T trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến khi đủ 18 tuổi là phù hợp.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng: Chị T không yêu cầu anh Tr phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nên không xem xét giải quyết là phù hợp.

Anh Tr được quyền đi lại thăm nom con chung không ai được cản trở; vì lợi ích của con theo yêu cầu của một hoặc hai bên Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con chung là phù hợp với quy định tại các Điều 81, 82, 83 và Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Chị T, anh Tr đều không yêu cầu giải quyết nên không xem xét giải quyết là phù hợp.

[6] Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 26, điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chị T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, Điều 54, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147 Bộ Luật tố tụng dân sự, khoản 1 Điều 26, điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thị Kim T.

- Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Nguyễn Thị Kim T được ly hôn với anh Nguyễn Hữu Tr.

- Về con chung: Giao các con chung là Nguyễn Thị Kim Th, sinh ngày 06/02/2004; Nguyễn Trà M, sinh ngày 02/4/2006 và Nguyễn Hữu T, sinh ngày 10/4/2010 cho chị Nguyễn Thị Kim T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi các con chung đủ 18 tuổi.

- Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị Nguyễn Thị Kim T không yêu cầu anh Nguyễn Hữu Tr phải cấp dưỡng nuôi con chung nên không xem xét giải quyết.

Anh Tr được quyền đi lại thăm nom con chung không ai được cản trở; vì lợi ích của con theo yêu cầu của một hoặc hai bên Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con chung.

- Về tài sản chung, nợ chung: Chị Nguyễn Thị Kim T và anh Nguyễn Hữu Tr không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

- Về án phí: Chị Nguyễn Thị Kim T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm số tiền 300.000 đồng (*ba trăm ngàn đồng*), được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng (*ba trăm ngàn đồng*) đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai số AA/2017/0010083 ngày 27/3/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

Quyền kháng cáo bản án: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND huyện Krông Búk;
- Chi cục THADS huyện K;
- UBND xã P, huyện K;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án - Vp.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SỞ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

(đã ký)

Hoàng Văn Vân